

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **75/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 31/8/2020.

V/v: “*Xin ly hôn*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Vũ Thị Phương Thanh**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà: Trần Thị Lệ.

2. Ông: Nguyễn Quốc Tiến.

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá* tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 202/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Huỳnh T**, sinh năm: 1990. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 207 đường Chu Văn An, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

\* Bị đơn: Ông **Nguyễn Nhật T2**, sinh năm: 1987. (Vắng mặt)

Nơi ĐKKHTT: Số 551 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 1, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Huỳnh T trình bày:*

Bà Phạm Thị Huỳnh T và ông Nguyễn Nhật T2 thông qua mai mối nên quen biết và yêu thương nhau, tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Hòa, thành phố Rạch Giá,

tỉnh Kiên Giang vào ngày 25/02/2015. Trong quá trình chung sống, giữa bà T và ông T2 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất hòa, bất đồng quan điểm, tính tình không hợp và thường xuyên cự cãi nhau, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Ông T2 không có trách nhiệm với gia đình và không quan tâm đến vợ, còn thường xuyên mượn nợ ở bên ngoài mà không hề bàn bạc với bà T, bà T cũng không hay biết về việc ông T2 mượn nợ để làm gì. Chủ nợ của ông T2 nhiều lần đến đòi nợ và đe dọa tính mạng của bà T, làm ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần của bà, cũng như làm ảnh hưởng đến cuộc sống của người thân trong gia đình bà trong thời gian dài. Hai bên đã hàn gắn nhiều lần nhưng không thành và đã ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay. Nay thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T2.

Về con chung: Bà T xác nhận giữa bà và ông T2 quá trình chung sống không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác nhận không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Huỳnh T vẫn giữ nguyên các yêu cầu như đã trình bày.

*\* Bị đơn ông Nguyễn Nhật T2 vắng mặt tại phiên tòa.*

*\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Huỳnh T, chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn Nhật T2.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Phạm Thị Huỳnh T khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Nhật T2 có nơi đăng ký thường trú tại địa chỉ số 551 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 1, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Nguyễn Nhật T2 đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, cũng không có căn cứ cho việc vắng mặt của ông T2 là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phạm Thị Huỳnh T và ông Nguyễn Nhật T2 tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được UBND phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/02/2015, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà T khởi kiện xin ly hôn ông T2 với lý do: Thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Bà T và ông T2 đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành nên cũng đã sống ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay.

Bị đơn ông Nguyễn Nhật T2 đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông T2 vẫn cố tình vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn cũng như chứng cứ do bà T cung cấp. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T2 đã được Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông T2 vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, bà T xác định giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Huỳnh T.

[4] *Về con chung*: Bà Phạm Thị Huỳnh T xác định giữa bà và ông T2 không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Phạm Thị Huỳnh T xác định giữa bà và ông T2 không có tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ kiện này. Nếu các bên có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[6] *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Phạm Thị Huỳnh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001970 ngày 06/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Bà Phạm Thị Huỳnh T đã nộp đủ án phí phải nộp.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Phạm Thị Huỳnh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Huỳnh T được ly hôn với ông Nguyễn Nhật T2.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị Huỳnh T xác định giữa bà và ông T2 không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Huỳnh T xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết và cam kết hiện nay không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Nếu ông Nguyễn Nhật T2 có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị Huỳnh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001970 ngày 06/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Bà Phạm Thị Huỳnh T đã nộp đủ án phí phải nộp.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31/8/2020). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

### **\* Nơi nhận:**

- VKSND TP. Rạch Giá;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THSDA TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thị Phương Thanh**

